

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày 14/8/2018

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quyết.

*** Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Văn Thành, Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh- Cán bộ
Toà án nhân dân thị xã Chí Linh - Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh - Hải Dương tham gia
phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2018, tại trụ sở UBND phường Thái Học, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải
Dương.

Xét xử sơ thẩm, lưu động, công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2017/TLST- DS
ngày 21/11/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-DS ngày 15/6/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số
08/2018/QĐST-DS ngày 26/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân C

Địa chỉ: Thôn N, xã C, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy T -Chủ tịch HĐQT

Người được ủy quyền: Ông **Mạc Văn K** - Giám đốc điều hành theo văn bản
ủy quyền số 02/2017/GUQ-QTDCT ngày 05 tháng 10 năm 2017 - Có mặt tại
phiên tòa.

Bị đơn: Ông **Phạm Văn T**; sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn P, xã C, thị xã C, tỉnh
Hải Dương- Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị T** - Sinh năm 1960;
địa chỉ: Thôn P, xã C, thị xã C, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ngày 08/10/2017 và trong quá trình tố tụng, đại diện
nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân C trình bày như sau:**

Ngày 04/3/2010, Quỹ tín dụng nhân dân C (từ đây viết tắt là: QTDND C) và vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T ký hợp đồng tín dụng số 2010/1/42 với nội dung: QTDND C cho ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T vay số tiền 200.000.000đ với thời hạn là 12 tháng kể từ ngày 04/3/2010 đến ngày 04/3/2011, lãi suất là 1,3%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 1,95%/tháng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, có điều chỉnh lãi suất tăng từng kỳ và lãi suất hiện hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, hình thức trả lãi theo quý. Mục đích vay tiền: Mua sắm đồ dùng trong gia đình và chữa bệnh.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, cùng ngày 04/3/2010, giữa hai bên đã ký hợp đồng thế chấp tài sản với nội dung: Ông T và bà T (người thừa kế) thế chấp tài sản là 02 thửa đất số 85 và 87 tờ bản đồ số 01, với tổng diện tích là 803m² và các tài sản trên đất là 01 nhà ở, công trình phụ và các tài sản khác như sân gạch, tường bao, cây lâu năm trên đất thuộc thôn P, xã C, thị xã C.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã trả lãi được 4 quý: Ngày 09/6/2010, trả 8.747.000đ, ngày 07/9/2010 trả 8.400.000đ, ngày 06/12/2010 trả 8.567.000đ và ngày 04/3/2011 trả 9.353.000đ.

Đến hạn trả nợ gốc ông T đã làm đơn xin gia hạn nợ và được QTDND C đồng ý cho gia hạn thêm 03 tháng đến ngày 04/6/2011. Nhưng đến thời hạn gia hạn ông T và bà T vẫn không trả được nợ gốc và lãi nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 05/6/2011.

Nay QTDND C yêu cầu ông T và bà T phải trả cho QTDND C số tiền nợ gốc là 200.000.000đ, lãi trong hạn là 10.162.000đ, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 14/8/2018 là 252.574.000đ. Ngoài ra ông Thiện và bà Teo còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T không trả nợ cho QTDND C thì QTDND C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 85 và 87 tờ bản đồ số 01 xã C của ông T và bà T và tài sản trên đất gồm nhà ở và toàn bộ các tài sản khác trên đất.

Trong trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với QTDND C. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho QTDND C.

Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại địa phương, không có lời khai trình bày ý kiến của mình.

Tại phiên toà:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày như trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 295, 299, 317, 318, 320, 323, 357, 385, 463, 466, 468, 470, 688 Bộ luật dân sự; các Điều 79, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, Điều 149, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân C. Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân C 200.000.000 đồng tiền nợ gốc, 10.162.000 đồng nợ lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 05/6/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm là 252. 574.000đ. Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử 14/8/2018 là 462.736.000đ.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T không trả số tiền trên cho Quỹ tín dụng nhân dân C thì Quỹ tín dụng nhân dân C có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa số 007948 do UBND huyện C cấp ngày 16/10/1998 thửa đất số 87+85 tờ bản đồ số 01 thôn P, xã C, thị xã C, diện tích 803m²; Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm sau khi trừ các chi phí theo quy định của pháp luật được dùng để thanh toán nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân C. Nếu số tiền phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T vẫn có nghĩa vụ trả hết số tiền còn lại cho Quỹ tín dụng nhân dân C cho đến khi hết khoản nợ. Nếu số tiền phát mại còn thừa thì ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T sẽ được thanh toán trả lại.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất về việc tính lãi quá hạn kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất chậm trả, án phí, lệ phí thông báo nhắc tin và chi phí xem xét, thẩm định tài sản của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T là các đương sự trong vụ án hiện không có mặt tại nơi cư trú. Theo yêu cầu của Nguyên đơn, Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh đã tiến hành thông báo tìm kiếm ông T và bà T trên phương tiện thông tin đại chúng, đã niêm yết các văn bản tố tụng, Giấy triệu tập nhưng ông T và bà T không có mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án. Ông T và bà T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa do vậy Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T và bà T.

[2] Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T là các đương sự trong vụ án không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên căn cứ vào các tài

liệu chứng cứ do Nguyên đơn cung cấp và các tài liệu Tòa án đã thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T là thành viên của QTDND C. Ngày 04/3/2010, QTDND C và vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T ký hợp đồng tín dụng số 2010/1/42 với nội dung: QTDND C cho ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T vay số tiền 200.000.000đ với thời hạn là 12 tháng kể từ ngày 04/3/2010 đến ngày 04/3/2011, lãi suất là 1,3% tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, có điều chỉnh lãi suất tăng từng kỳ và lãi suất hiện hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, hình thức trả lãi theo quý, lãi suất nợ quá hạn là 1,95%/tháng. Mục đích vay tiền: Mua sắm đồ dùng trong gia đình và chữa bệnh. Để đảm bảo cho khoản vay trên, cùng ngày 04/3/2010, giữa hai bên đã ký hợp đồng thế chấp tài sản với nội dung: Ông T thế chấp tài sản là 02 thửa đất số 85 và 87 tờ bản đồ số 01, với tổng diện tích là 803m², Giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất mang tên ông Phạm Văn T và các tài sản trên đất là 01 nhà ở, công trình phụ và các tài sản khác trên đất thuộc thôn P, xã C, thị xã C.

Các hợp đồng giữa hai bên nêu trên được ký kết bằng văn bản có đầy đủ chữ ký của hai bên. Hình thức và nội dung của các hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy xác định hợp đồng giữa hai bên là đúng pháp luật có hiệu lực thi hành. Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông T, bà T đã trả lãi như sau: Ngày 09/6/2010, trả 8.747.000đ, ngày 07/9/2010 trả 8.400.000đ, ngày 06/12/2010 trả 8.567.000đ, ngày 04/3/2011 trả 9.353.000đ.

Đến hạn trả nợ gốc ông T đã làm đơn xin gia hạn nợ và được QTDND C đồng ý cho gia hạn thêm 03 tháng đến ngày 04/6/2011. Nhưng hết thời hạn gia hạn ông T và bà T vẫn không trả được nợ gốc và lãi từ ngày 04/3/2011 đến ngày 04/6/2011 nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 05/6/2011.

Như vậy từ ngày 05/6/2011, ông T và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung hợp đồng đã ký giữa hai bên. Nay QTDND C khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T phải trả cho QTDND C số tiền nợ gốc là 200.000.000đ, lãi trong hạn là 10.162.000đ và lãi quá hạn tính từ ngày 05/6/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm là 252. 574.000đ. Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 462.736.000đ là hoàn toàn có căn cứ cần được chấp nhận.

Ông T và bà T ký hợp đồng thế chấp để đảm bảo khoản vay trên các tài sản đã được xem xét, thẩm định tại chỗ xác định có 02 thửa đất số 85 và 87 tờ bản đồ số 01 xã C, với tổng diện tích là 803m² và các tài sản trên đất là 01 nhà ở 03 gian diện tích 80,75m², 04 gian công trình phụ, 01 sân gạch, một số đoạn tường bao, bờ kè sân, 02 cây Xoài, 03 cây Nhãn, 10 cây Cau được xây và trồng trên đất thuộc thôn P, xã C, thị xã C. Hợp đồng ký kết giữa hai bên thể hiện sự tự nguyện, có đăng ký thế chấp tại UBND xã C (theo sự ủy quyền của UBND thị xã C). Nay cần chấp nhận yêu cầu của

nguyên đơn nếu trong trường hợp ông T và bà T không trả tiền thì QTDND C có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp.

Về án phí: Yêu cầu của QTDND C được chấp nhận nên ông T và bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng và lệ phí: Đối với số tiền 900.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 3.900.000đ lệ phí thông báo nhấn tin QTDND C đã nộp tạm ứng và chi xong nên ông T và bà T phải trả cho QTDND C số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 295, 299, 317, 318, 320, 323, 357, 385, 463, 466, 468, 470, 688 Bộ luật dân sự; các Điều 79, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, Điều 149, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân C. Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân C tiền nợ gồm: Nợ gốc: 200.000.000đ, tiền lãi trong hạn: 10.162.000đ, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 05/6/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm là 252. 574.000đ. Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử 14/8/2018 là 462.736.000đ.

Ông T và bà T còn tiếp tục phải trả lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng tín dụng số 2010/1/24/HĐTD ngày 04/3/2010 đã ký kết kể từ ngày 15/8/2018 đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T không trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân C thì Quỹ tín dụng nhân dân C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 02 thửa đất số 85 và 87 tờ bản đồ số 01 xã C, với tổng diện tích là 803m² và các tài sản trên đất là 01 nhà ở 03 gian diện tích 80,75m², công trình phụ, sân gạch, tường bao, bờ kè sân, cây lâu năm được xây và trồng trên đất thuộc thôn P, xã C, thị xã C, tỉnh Hải Dương để thu hồi nợ. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Quỹ tín dụng nhân dân C. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân C. Nếu sau khi thanh toán xong mà còn thừa thì sẽ trả cho ông T và bà T.

Về án phí: Ông T và bà T phải nộp 22.509.440đ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Quỹ tín dụng nhân dân C số tiền 10.842.220đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000296 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh.

Ông T và bà T phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân C số tiền 900.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 3.900.000đ lệ phí thông báo nhấn tin.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày QTDND C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T và bà T không chịu thi hành các khoản tiền 462.736.000đ tiền nợ; 900.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 3.900.000đ lệ phí thông báo nhắc tin nêu trên thì ông T và bà T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Báo Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Quyết